

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2020

V/v báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn nhà nước Quý I năm 2020 tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Công văn số 8835/VPCP-KTTH ngày 14/9/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn tại doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp hàng quý, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn nhà nước Quý I năm 2020 tại các doanh nghiệp cụ thể như sau:

I. Số lượng doanh nghiệp nhà nước và Công ty cổ phần có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh tính đến 31/03/2020:

1. Số lượng doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh đang được quản lý, giám sát tài chính là 05 doanh nghiệp, gồm:

- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh;
- Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định;
- Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định;
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn;
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn.

2. Số lượng Công ty cổ phần có vốn nhà nước đang được quản lý, giám sát và triển khai thoái vốn nhà nước là 05 doanh nghiệp, gồm:

- CTCP Cấp thoát nước Bình Định;
- CTCP Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn;
- CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn;
- CTCP Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định;
- CTCP Khoáng sản Bình Định.

II. Báo cáo tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2020 của các doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định:

Số liệu chi tiết về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2020 của các doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định: *như Phụ lục kèm theo Công văn này.*

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Chủ tịch, PCTTT Phan Cao Thắng;
- Sở Tài chính, Sở KH&ĐT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH QUÝ I/2020**

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày /4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng tài sản				Vốn chủ sở hữu			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Doanh nghiệp Nhà nước	4.041.289	-16.647	4.024.642	-16.647	3.869.065	6.705	3.875.770	6.705
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	79.159	3.841	83.000	3.841	42.960	665	43.625	665
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	155.063	-11.748	143.315	-11.748	74.500	5.200	79.700	5.200
3	Công ty TNHH Khai thác công trình thuỷ lợi Bình Định	3.680.766	0	3.680.766	0	3.666.468	0	3.666.468	0
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	66.145	-9.500	56.645	-9.500	38.273	840	39.113	840
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	60.156	760	60.916	760	46.864	0	46.864	0
II	Công ty cổ phần có vốn nhà nước	2.906.743	285.310	3.192.053	285.310	1.526.590	98.059	1.624.649	98.059
1	CTCP Cấp thoát nước Bình Định	394.474	-8.080	386.394	-8.080	137.849	5.167	143.016	5.167
2	CTCP Dược - TTB y tế Bình Định	1.497.645	308.603	1.806.248	308.603	888.953	79.850	968.803	79.850
3	CTCP Khoáng sản Bình Định	221.022	0	221.022	0	200.870	0	200.870	0
4	CTCP Công viên CX&CSĐT Quy Nhơn	311.323	6.822	318.145	6.822	260.401	9.359	269.760	9.359
5	CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn	482.279	-22.035	460.244	-22.035	38.517	3.683	42.200	3.683

Ghi chú:

- Số đầu kỳ là số liệu tại thời điểm 01/01/2020;
 - Vốn góp của nhà nước tại một số doanh nghiệp giảm là do thực hiện thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ

(Kèm theo Công văn số:

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Vốn đầu tư của chủ sở hữu				Vốn điều lệ			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Doanh nghiệp Nhà nước	3.824.224	0	3.824.224	0	593.344	0	593.344	0
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	27.219	0	27.219	0	27.219	0	27.219	0
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	74.500	0	74.500	0	74.500	0	74.500	0
3	Công ty TNHH Khai thác công trình thuỷ lợi Bình Định	3.666.468	0	3.666.468	0	435.588	0	435.588	0
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	19.310	0	19.310	0	19.310	0	19.310	0
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn	36.727	0	36.727	0	36.727	0	36.727	0
II	Công ty cổ phần có vốn nhà nước	821.266	0	821.266	0	821.266	0	821.266	0
1	CTCP Cấp thoát nước Bình Định	124.108	0	124.108	0	124.108	0	124.108	0
2	CTCP Dược - TTB y tế Bình Định	523.790	0	523.790	0	523.790	0	523.790	0
3	CTCP Khoáng sản Bình Định	123.926	0	123.926	0	123.926	0	123.926	0
4	CTCP Công viên CX&CSĐT Quy Nhơn	15.171	0	15.171	0	15.171	0	15.171	0
5	CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn	34.271	0	34.271	0	34.271	0	34.271	0

Ghi chú:

- Số đầu kỳ là số liệu tại thời điểm 01/01/2020;
- Vốn góp của nhà nước tại một số doanh nghiệp giảm là do thực hiện thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ

(Kèm theo Công văn số:

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Vốn góp của nhà nước				Tổng doanh thu			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)
I	Doanh nghiệp Nhà nước	593.344	0	593.344	0	0	142.207	142.207	142.207
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	27.219	0	27.219	0	0	21.656	21.656	21.656
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	74.500	0	74.500	0	0	111.901	111.901	111.901
3	Công ty TNHH Khai thác công trình thuỷ lợi Bình Định	435.588	0	435.588	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	19.310	0	19.310	0	0	8.650	8.650	8.650
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	36.727	0	36.727	0	0	0	0	0
II	Công ty cổ phần có vốn nhà nước	189.349	0	189.349	0	0	517.078	517.078	517.078
1	CTCP Cấp thoát nước Bình Định	63.295	0	63.295	0	0	51.360	51.360	51.360
2	CTCP Dược - TTB y tế Bình Định	69.858	0	69.858	0	0	374.150	374.150	374.150
3	CTCP Khoáng sản Bình Định	30.981	0	30.981	0	0	38.044	38.044	38.044
4	CTCP Công viên CX&CSĐT Quy Nhơn	7.737	0	7.737	0	0	25.000	25.000	25.000
5	CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn	17.478	0	17.478	0	0	28.524	28.524	28.524

Ghi chú:

- Số đầu kỳ là số liệu tại thời điểm 01/01/2020;
- Vốn góp của nhà nước tại một số doanh nghiệp giảm là do thực hiện thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ

(Kèm theo Công văn số:

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Lợi nhuận kế toán trước thuế				Lỗ lũy kế			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)
I	Doanh nghiệp Nhà nước	0	9.965	9.965	9.965	0	0	0	0
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	665	665	665	0	0	0	0
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	0	6.500	6.500	6.500	0	0	0	0
3	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	2.800	2.800	2.800	0	0	0	0
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Công ty cổ phần có vốn nhà nước	0	53.444	53.444	53.444	0	0	0	0
1	CTCP Cấp thoát nước Bình Định	0	5.167	5.167	5.167	0	0	0	0
2	CTCP Dược - TTB y tế Bình Định	0	42.000	42.000	42.000	0	0	0	0
3	CTCP Khoáng sản Bình Định	0	3.000	3.000	3.000	0	0	0	0
4	CTCP Công viên CX&CSĐT Quy Nhơn	0	1.564	1.564	1.564	0	0	0	0
5	CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn	0	1.713	1.713	1.713	0	0	0	0

Ghi chú:

- Số đầu kỳ là số liệu tại thời điểm 01/01/2020;
 - Vốn góp của nhà nước tại một số doanh nghiệp giảm là do thực hiện thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ

(Kèm theo Công văn số:

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp				Thuế GTGT			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(35)=(39)+(43)+(47)+(51)+(55)	(36)=(40)+(44)+(48)+(52)+(56)	(37)=(41)+(45)+(49)+(53)+(57)	(38)=(42)+(46)+(50)+(54)+(58)	(39)	(40)	(41)	(42)
I	Doanh nghiệp Nhà nước	24.573	37.055	61.628	37.055	2.805	12.610	15.415	12.610
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	-977	6	-971	6	-213	0	-213	0
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	24.003	35.050	59.053	35.050	2.993	12.608	15.601	12.608
3	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	11	11	11	0	0	0	0
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	1.580	1.985	3.565	1.985	25	2	27	2
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	-33	3	-30	3	0	0	0	0
II	Công ty cổ phần có vốn nhà nước	30.932	39.363	70.295	39.363	354	3.357	3.711	3.357
1	CTCP Cấp thoát nước Bình Định	3.743	10.629	14.372	10.629	-878	752	-126	752
2	CTCP Dược - TTB y tế Bình Định	27.985	17.401	45.386	17.401	476	449	925	449
3	CTCP Khoáng sản Bình Định	-1.599	8.012	6.413	8.012	0	702	702	702
4	CTCP Công viên CX&CSĐT Quy Nhơn	321	1.690	2.011	1.690	215	286	501	286
5	CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn	482	1.631	2.113	1.631	541	1.168	1.709	1.168

Ghi chú:

- Số đầu kỳ là số liệu tại thời điểm 01/01/2020;
- Vốn góp của nhà nước tại một số doanh nghiệp giảm là do thực hiện thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ

(Kèm theo Công văn số:

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Thuế TTĐB				Thuế TNDN			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(43)	(44)	(45)	(46)	(47)	(48)	(49)	(50)
I	Doanh nghiệp Nhà nước	3.985	16.696	20.681	16.696	1.913	1.933,0	3.846,0	1.933
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	8	31	39	31
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	3.985	16.696	20.681	16.696	1.586	1.342	2.928	1.342
3	Công ty TNHH Khai thác công trình thuỷ lợi Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	352	560	912	560
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	0	0	-33	0	-33	0
II	Công ty cổ phần có vốn nhà nước	0	0	0	0	26.046	12.599	38.645	12.599
1	CTCP Cấp thoát nước Bình Định	0	0	0	0	758	1.302	2.060	1.302
2	CTCP Dược - TTB y tế Bình Định	0	0	0	0	26.894	8.828	35.722	8.828
3	CTCP Khoáng sản Bình Định	0	0	0	0	-1.718	750	-968	750
4	CTCP Công viên CX&CSĐT Quy Nhơn	0	0	0	0	0	1.376	1.376	1.376
5	CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn	0	0	0	0	112	343	455	343

Ghi chú:

- Số đầu kỳ là số liệu tại thời điểm 01/01/2020;
- Vốn góp của nhà nước tại một số doanh nghiệp giảm là do thực hiện thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ

(Kèm theo Công văn số:

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Cổ tức, lợi nhuận được chia đối với phần vốn góp của NN (nếu có)				Các khoản thuế phí phải nộp khác			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(51)	(52)	(53)	(54)	(55)	(56)	(57)	(58)
I	Doanh nghiệp Nhà nước	0	0	0	0	15.870	5.816	21.686	5.816
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	-772	-25	-797	-25
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	15.439	4.404	19.843	4.404
3	Công ty TNHH Khai thác công trình thuỷ lợi Bình Định	0	0	0	0	0	11	11	11
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	1.203	1.423	2.626	1.423
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	0	0	0	3	3	3
II	Công ty cổ phần có vốn nhà nước	0	0	0	0	4.532	23.407	27.939	23.407
1	CTCP Cấp thoát nước Bình Định	0	0	0	0	3.863	8.575	12.438	8.575
2	CTCP Dược - TTB y tế Bình Định	0	0	0	0	615	8.124	8.739	8.124
3	CTCP Khoáng sản Bình Định	0	0	0	0	119	6.560	6.679	6.560
4	CTCP Công viên CX&CSĐT Quy Nhơn	0	0	0	0	106	28	134	28
5	CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn	0	0	0	0	-171	120	-51	120

Ghi chú:

- Số đầu kỳ là số liệu tại thời điểm 01/01/2020;
- Vốn góp của nhà nước tại một số doanh nghiệp giảm là do thực hiện thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.